TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15-01-2026
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hiếu

Bà Dương Thị Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án thụ lý số 159/2025/TLST-HNGĐ, ngày 15/10/2025 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/12/2025, Quyết định hoãn phiên toà số 37/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Thôn 31, xã Th, tỉnh Tuyên Quang.
2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1995;
Địa chỉ: Thôn 31, xã Th, tỉnh Tuyên Quang.
(*Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Nguyễn Thị Kim O sau một thời gian tự do tìm hiểu thì đã tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện H (nay là xã Th), tỉnh Tuyên Quang vào ngày 05/6/2017, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, chị O chuyển khẩu từ thành phố B về chung sống cùng anh tại thôn 31, xã Th, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống vợ chồng chung sống hòa thuận, bình thường thời gian đầu đến năm 2024-2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng chung sống với

nhau đã lâu mà không có con. Bên cạnh đó vợ chồng anh chị mỗi người 1 nơi, chị O vào trong Tây Nguyên làm ăn, anh thì ở ngoài này nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, không ai quan tâm gì đến ai. Anh xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn trở nên trầm trọng kéo dài, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị O.

- *Về con chung; Về tài sản chung, vay nợ chung*: Anh chị không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Kim O không đến Toà án để làm việc. Toà án tiến hành xác minh, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương với ông Dương Đức T1 - trưởng thôn 31, xã Th, tỉnh Tuyên Quang, kết quả thể hiện: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 và chị Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1995 là công dân có nơi thường trú tại thôn 31, xã Th, tỉnh Tuyên Quang. Anh T và chị O quen nhau trong thời gian anh T đi làm ăn trong miền Nam. Sau một thời gian tìm hiểu, anh chị nên duyên vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện H (nay là xã Th), tỉnh Tuyên Quang vào năm 2017. Sau khi kết hôn, chị O nhập khẩu và về chung sống với anh T tại thôn 31, xã Th. Trước đó chị O là người Tây Nguyên kết hôn với anh T nên chuyển ra ngoài Bắc sinh sống với anh T. Gia đình anh T bố mẹ mất hết nên chị có 2 vợ chồng chung sống với nhau. Cuộc sống vợ chồng anh chị khép kín vì anh chị theo đạo phật. Anh chị chung sống được thời gian đầu sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có con chung, chị O là người miền Nam nên không thích nghi được cuộc sống ngoài Bắc, môi trường không phù hợp, làm ăn kinh tế thì khó khăn. Vì vậy chị O đã về nhà ngoại ở Tây Nguyên ở, vợ chồng ly thân nhau, không ai quan tâm gì đến ai. Địa chỉ cụ thể của chị O trong Tây Nguyên thì địa phương không nắm được. Do đó chính quyền địa phương xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã đến mức trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, về tài sản chung, về vay nợ chung, anh T và chị O không có con chung, không có tài sản chung, không có vay nợ chung.

Toà án cũng đã tiến hành làm việc với anh T về địa chỉ nơi ở hiện tại của chị O, anh T trình bày: Anh và chị O quen biết nhau thông qua lớp học về phật pháp. Trước đó chị O là người ở thành phố B, tỉnh Đăk Lắk, sau khi cưới thì nhập khẩu về ở nhà anh ở thôn 31, xã Th, tỉnh Tuyên Quang. Bố mẹ anh hiện tại đều đã mất. Quá trình chung sống vì vợ chồng không có con chung và có nhiều mâu thuẫn bất đồng nên anh chị đã ly thân. Trong thời gian vợ chồng ly thân thì chị O vào Tây Nguyên làm ăn, cụ thể địa chỉ của chị O ở đâu thì anh cũng không nắm được. Trước khi anh làm đơn ly hôn chị O gửi Toà án thì 2 vợ chồng cũng thống nhất thuận tình ly hôn nhưng vì chị O ở xa, việc đi lại khó khăn nên không về Toà án để giải quyết vụ việc được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn chị O mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh T được ly hôn với chị O.

+ Về con chung; Về tài sản chung; Về vay nợ chung: Do các đương sự không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim O do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là Tranh chấp hôn nhân và gia đình *"Xin ly hôn*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị O có nơi thường trú tại thôn 31, xã Th, tỉnh Tuyên Quang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự

và Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân.

[2] Về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự:

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án chị O không đến Toà án để làm việc. Toà án tiến hành xác minh nơi cư trú và các mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, vay nợ chung của các đương sự cũng như tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Việc chị O không đến Toà án để làm việc thể hiện ý thức không tuân thủ pháp luật, không thực hiện hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Toà án đã xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị O kết hôn với nhau từ năm 2017. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối và đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn 31, xã Th, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2024-2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm về lối sống và làm ăn kinh tế. Bên cạnh đó anh chị chung sống với nhau 1 thời gian mà không có con chung. Chị O đã bỏ vào Tây Nguyên làm ăn, không chung sống với anh T nữa. Vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm gì đến ai. Trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, vì vậy tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, ai cũng có cuộc sống của riêng mình. Anh T xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị O để giải phóng cho cả hai người đi tìm cuộc sống mới.

Hội đồng xét xử thấy rằng anh chị sống ly thân nhau, không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, không còn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian vợ chồng ly thân, anh chị cũng không có động thái gì hàn gắn quay về chung sống, đoàn tụ. Điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh T được ly hôn với chị O là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

***** Về con chung; Về tài sản chung; Về vay nợ chung: Do các đương sự không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn chị O không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân.

Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim O

Giấy chứng nhận kết hôn số 16 do Ủy ban nhân dân xã Th, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã Th, tỉnh Tuyên Quang) cấp ngày 05/6/2017 cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Kim O không còn giá trị pháp lý sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000772 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, anh T đã nộp đủ án phí. Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim O không phải chịu tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 2 – Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Minh Ngọc

\